

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 209/2024/DS-PT

Ngày: 05-4-2024

V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán:

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn P;

Địa chỉ: đường T, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Khánh N, sinh năm 1983, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981 (theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2023) (có mặt);

HKTT: đường L, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ liên hệ: đường L, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Ông Trương Duy M, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: đường L, phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn S;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Khánh D, sinh năm 1981, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên (vắng mặt);

Địa chỉ: đường T, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P, có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (Công ty TNHH P) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Công ty TNHH S) là hai công ty có liên kết với nhau. Ông Trương Duy M là nhân viên của Công ty TNHH S. Trong thời gian làm việc từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020 ông M phụ trách mảng kinh doanh bên Công ty TNHH P. Ông M có tạm ứng của Công ty TNHH S số tiền 14.725.000 đồng, gồm 05 lần tạm ứng:

- Lần 1 ngày 05/6/2020 ứng tiền in card 1.500.000 đồng;
- Lần 2 ngày 05/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư quảng cáo 5.825.000 đồng;
- Lần 3 ngày 22/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư 1.000.000 đồng;
- Lần 4 ngày 25/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư 4.500.000 đồng;
- Lần 5 ngày 13/7/2020 tạm ứng tiền công tác 1.900.000 đồng.

Khi tạm ứng tiền ông M có ký tên vào sổ tạm ứng và có đóng dấu của Công ty TNHH P, thể hiện tại các tài liệu trích lục từ hồ sơ án lao động phúc thẩm số 01/2021/TLPT-LĐ ngày 27/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tháng 8/2020 ông M nghỉ việc tại Công ty TNHH S nhưng chưa quyết toán số tiền này cho Công ty TNHH P. Công ty đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông M trả lại tiền nhưng ông M không đồng ý.

Công ty TNHH P yêu cầu ông Trương Duy M hoàn trả lại số tiền 14.725.000 đồng mà ông đã tạm ứng của Công ty trong thời gian ông làm việc, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trương Duy M trình bày:

Ông không phải là nhân viên làm việc tại Công ty TNHH P, ông chỉ làm việc tại Công ty TNHH S, vị trí là nhân viên kinh doanh. Trong thời gian ông làm việc tại Công ty TNHH S ông có tạm ứng tiền để thực hiện công việc gồm:

- Lần 1 ngày 05/6/2020 ứng tiền in card 1.500.000 đồng;
- Lần 2 ngày 05/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư quảng cáo 5.825.000 đồng;
- Lần 3 ngày 22/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư 850.000 đồng;
- Lần 4 ngày 25/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư 4.495.000 đồng;
- Lần 5 ngày 13/7/2020 tạm ứng tiền công tác 1.900.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông đã tạm ứng là 14.570.000 đồng và ông đã thanh toán toàn bộ số tiền tạm ứng với Công ty trước khi ông nghỉ việc. Tại Bản án lao động

số 03/2021/LĐ-PT ngày 18/11/2021 đã xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH S về việc đòi lại số tiền ông đã tạm ứng của Công ty này.

Ông Khương Văn B trước đây làm việc ở vị trí Trưởng Phòng Kinh doanh của Công ty TNHH S. Bà Nguyễn Ngọc T trước đây làm việc ở vị trí Kế toán của Công ty TNHH S. Hiện ông B, bà T còn làm việc tại Công ty TNHH S hay không thì ông không rõ, ông cũng không biết địa chỉ cụ thể của hai người này để cung cấp cho Tòa án.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S, có đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Khánh D trình bày:

Vào tháng 5/2020, Công ty TNHH S có nhận vào cùng lúc ông Khương Văn B và ông Trương Duy M đang chưa có việc vì vừa nghỉ việc công ty khác.

Trong thời gian này nội bộ Công ty TNHH S có tranh chấp nên hệ thống Công ty không thể hoạt động. Để đảm bảo Công ty có nguồn kinh phí giải quyết các khoản chi phí theo trách nhiệm thì Công ty buộc phải tạm dừng, cho thuê các thiết bị máy móc tạo nguồn kinh phí, riêng nhân sự thì đang trong quá trình tạm dừng và chuyển giao cho Công ty TNHH P.

Công ty TNHH P thuê ông Huỳnh Khánh D làm giám đốc kinh doanh quản lý tận dụng những nhân sự cũ của Công ty TNHH S. Công ty TNHH P giao cho ông Trương Duy M phụ trách đặt làm bảng quảng cáo, name card, in tờ bướm... phục vụ cho công tác kinh doanh. Ông Huỳnh Khánh D là người phê duyệt tạm ứng cho ông M và ông M nhận tạm ứng từ Kế toán Công ty theo đúng quy trình quản lý kế sổ sách Kế toán.

Ông M sau đó đã vi phạm nguyên tắc Công ty nghiêm trọng, tự ý nghỉ việc mà không báo cáo, bàn giao bất cứ gì với Công ty. Sau khi nghỉ việc thì ông M có tranh chấp về tiền lương thưởng với Công ty TNHH S. Ông D có yêu cầu ông M tiến hành xác minh bàn giao vật tư của công việc, thực hiện công tác hoàn ứng nhưng ông M không thực hiện, chỉ nói miệng tại Tòa án.

Qua sự việc, Công ty TNHH P đã khởi kiện yêu cầu ông M hoàn trả lại số tiền đã tạm ứng nhưng không báo cáo xác minh dùng cho công việc của Công ty hay không.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án do sự việc đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật là Bản án số 03/2021/LĐ-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử.

Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 259, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ; Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ; Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P về việc yêu cầu ông Trương Duy M hoàn trả lại số tiền 14.725.000 đồng mà ông M đã tạm ứng của Công ty trong thời gian ông làm việc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30/11/2023, nguyên đơn Công ty TNHH P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do đại diện nguyên đơn nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập họp lệ lần hai nhưng người đại diện Công ty TNHH S vẫn vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt họ.

[2] Về nội dung xét kháng cáo:

[2.1] Theo đơn khởi kiện (bút lục 07), Công ty TNHH P (người đại diện theo pháp luật là bà Huỳnh Khánh N) khởi kiện yêu cầu ông Trương Duy M hoàn trả lại số tiền **14.725.000** đồng mà ông M đã tạm ứng của Công ty trong thời gian ông làm việc từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020, cụ thể:

- Lần 1 ngày 05/6/2020 ứng tiền in card 1.500.000 đồng;
- Lần 2 ngày 05/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư quảng cáo 5.825.000 đồng;
- Lần 3 ngày 22/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư 1.000.000 đồng;
- Lần 4 ngày 25/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư 4.500.000 đồng;
- Lần 5 ngày 13/7/2020 tạm ứng tiền công tác 1.900.000 đồng;

Đại diện nguyên đơn xác định: ông M là nhân viên Công ty TNHH S (người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Khánh D), ông M không ký kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH P, Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P) và Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) có liên kết với nhau.

Ông M trình bày (bút lục 17, 88): ông không phải là nhân viên Công ty P, ông chỉ làm việc tại Công ty S, vị trí là nhân viên kinh doanh từ 20/5/2020 đến hết tháng 7/2020, trong thời gian làm việc ông có tạm ứng số tiền **14.570.000** đồng của Công ty S và đã thanh toán toàn bộ trước khi nghỉ việc, cụ thể:

- Lần 1 ngày 05/6/2020 ứng tiền in card 1.500.000 đồng;
- Lần 2 ngày 05/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư quảng cáo 5.825.000 đồng;
- Lần 3 ngày 22/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư 850.000 đồng;
- Lần 4 ngày 25/6/2020 ứng tiền tạm ứng vật tư 4.495.000 đồng;
- Lần 5 ngày 13/7/2020 tạm ứng tiền công tác 1.900.000 đồng;

Bản án phúc thẩm số 03/2021/LĐ-PT ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty S yêu cầu ông M trả số tiền trên, vì vậy ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Nhận thấy Công ty P và Công ty S là hai pháp nhân độc lập, nguyên đơn trình bày giữa hai công ty có liên kết kinh doanh nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Theo 05 phiếu tạm ứng của nguyên đơn cung cấp (từ bút lục 43 đến 47) thể hiện ông M ứng tiền của Công ty P nhưng người ký duyệt phiếu tạm ứng là Giám đốc Huỳnh Khánh D. Đại diện nguyên đơn có nộp cho Tòa án Hợp đồng lao động có thời hạn thể hiện Giám đốc Công ty P Huỳnh Khánh N ký kết Hợp

đồng thử việc với ông Huỳnh Khánh D với chức danh Giám đốc kinh doanh công ty từ ngày 11/4/2020 đến ngày 11/10/2020, nhằm chứng minh việc ông D ký vào 05 phiếu tạm ứng với chức danh Giám đốc Công ty P.

Xét thấy, theo Hợp đồng lao động có thời hạn thực hiện ngày 11/4/2020 giữa Công ty P với ông Huỳnh Khánh D (bút lục 156-158), thì vào thời điểm này ông D là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty S (bút lục 35), theo khoản 10.1 Điều 10 Điều lệ Công ty S quy định: Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc công ty (bút lục 123, 129), đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật doanh nghiệp năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2013 thì “*Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác*”. Như vậy Hợp đồng lao động ngày 11/4/2020 không phù hợp với quy định pháp luật, từ đó 05 phiếu tạm ứng trên của Công ty P do ông D ký với chức danh giám đốc là không hợp lệ nên không có giá trị pháp lý; đồng thời, nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh ông M là nhân viên Công ty P và cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh ông M ứng tiền Công ty P, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; Hội đồng xét xử cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 259, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2013;

Căn cứ Nghị định 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P về việc yêu cầu ông Trương Duy M hoàn trả lại số tiền 14.725.000 đồng mà ông M đã tạm ứng của Công ty trong thời gian ông làm việc.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH P phải chịu 736.000 đồng (*bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty TNHH P đã nộp tạm ứng án phí 369.000 đồng theo biên lai thu số 0024141 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp 367.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005467 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Công ty TNHH P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- CCTHADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt